

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 14/07/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Xuyên
- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;

Địa chỉ trụ sở: Tầng A tòa nhà S, số 01 đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Tầng C, tòa nhà P, số 2 đường U, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Diệp Hoàng A, ông Huỳnh Tấn Công H, ông Trần Văn D.

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản số 001206.23 ngày 04/1/2023).

2.Bị đơn: Bà Tạ Lâm Bảo N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 1/4 đường Đ, Phường G, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ông Huỳnh Tấn Công H và ông Trần Văn D là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngày 04/04/2018, bà Tạ Lâm Bảo N có Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng

TMCP Q (Q) đã phát hành thẻ tín dụng cho bà Tạ Lâm Bảo N với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Sau đó, Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh B và bà Tạ Lâm Bảo N thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019, với nội dung: Số tiền giải ngân: 399.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: thanh toán mua 1 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; Thời hạn vay: 84 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,2%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.1%/năm. Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25; Trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. VIB đã giải ngân cho bà Tạ Lâm Bảo N theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 2108251.19 ngày 16/5/2019 với số tiền 399.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Tạ Lâm Bảo N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 15/5/2023 Ông/bà Tạ Lâm Bảo N đã thanh toán cho VIB số tiền gốc là 47.500.000, lãi là 30.055.231 đồng. Khoản vay có tài sản bảo đảm nhưng Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm.

Do bà Nghi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Tạ Lâm Bảo N trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2023 là: 665,017,300 đồng, trong đó gồm có:

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019 là 557,429,870 đồng, Nợ gốc là: 351,500,000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 2,541,377 đồng, lãi quá hạn là: 203,388,493 đồng.

Dư nợ Thẻ tín dụng là: 107,587,430 đồng; trong đó: Nợ gốc thẻ là 28,497,379 đồng, Nợ lãi, phí thẻ là 79.090.051 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 16/5/2023 cho đến khi bà Tạ Lâm Bảo N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và dư nợ Thẻ tín dụng.

Bị đơn bà Tạ Lâm Bảo N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Ông D là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

[3] Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà N thanh toán tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Do bị đơn bà N có địa chỉ tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được qui định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về tố tụng:* Bị đơn là bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[6] *Về áp dụng luật:* Do hợp đồng tín dụng lập và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng được ký vào năm 2018, 2019 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 để giải quyết.

[7] *Về yêu cầu của đương sự:*

[8] Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Tạ Lâm Bảo N trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 15/5/2023 là: 665,017,300 đồng, trong đó gồm có:

Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019 là 557,429,870 đồng, Nợ gốc là: 351,500,000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 2,541,377 đồng, lãi quá hạn là: 203,388,493 đồng.

Dư nợ Thẻ tín dụng là: 107,587430 đồng; trong đó: Nợ gốc thẻ là 28,497,379 đồng, Nợ lãi, phí thẻ là 79.090.051 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 16/5/2023 cho đến khi bà Tạ Lâm Bảo N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín

dụng, Khế ước nhận nợ và dư nợ Thẻ tín dụng.

[9] *Về dư nợ Thẻ tín dụng quốc tế được phát hành ngày 04/04/2018:*

[10] Căn cứ Giấy đề nghị đăng ký thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/4/2018; bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thể hiện bà N đã đăng ký sử dụng thẻ tín dụng có hạn mức của Ngân hàng Q và đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng.

[11] Căn cứ bảng kê chi tiết giao dịch tài khoản thẻ tín dụng đối với bà Tạ Lâm Bảo N, với hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng, thì bà N đã thực hiện các giao dịch với số tiền tính đến ngày 15/5/2023 là 28.497.379 đồng.

[12] Tại Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*", ngoài ra tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Vì Ngân hàng có chức năng hoạt động tín dụng nên lãi suất, phí sẽ do thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng nên nguyên đơn căn cứ vào lãi suất và phí thỏa thuận giữa hai bên tại Giấy đề nghị đăng ký thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/4/2018; bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng để tính lãi, phí là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

[13] Xét, do bà Nghi vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà Nghi trả tiền lãi, phí tính đến ngày 15/5/2023 theo lãi suất, phí thỏa thuận tại Giấy đề nghị đăng ký thẻ tín dụng quốc tế ngày 04/4/2018; bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là 79.090.051 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] *Về dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019:*

[15] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019, Khế ước nhận nợ số 2108251.19 ngày 16/5/2019 và bảng tính chi tiết lãi vay của hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nghi vay Ngân hàng số tiền 399.000.000 đồng, đã thanh toán tiền gốc là 47.500.000 đồng, nợ gốc còn lại là 351.500.000 đồng.

[16] Tại Hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019 các bên thỏa thuận về mức lãi suất và tại Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng (*đính kèm Hợp đồng tín dụng*) thỏa thuận về việc chuyển nợ quá hạn, về thanh toán các loại phí, lãi, gốc do vi phạm.

[17] Xét, do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng căn cứ vào lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019, Khế ước nhận nợ số 2108251.19 ngày 16/5/2019 và Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng (*đính kèm Hợp đồng tín dụng*), Bảng tính lãi để tính lãi là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

[18] Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà N trả tiền lãi tính

đến ngày 15/5/2023 gồm lãi trong hạn là 2,541,377 đồng, lãi quá hạn là 203,388,493 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bị đơn bà N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền tính đến ngày 15/5/2023 là 665.017.300 đồng. Cụ thể theo từng hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019, Khế ước nhận nợ số 2108251.19 ngày 16/5/2019 là 557,429,870 đồng gồm nợ gốc là 351,500,000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2,541,377 đồng, lãi quá hạn là 203,388,493 đồng.

Thẻ tín dụng quốc tế được phát hành ngày 04/04/2018 là 107,587430 đồng; gồm nợ gốc là 28,497,379 đồng và nợ lãi, phí là 79.090.051 đồng.

[20] *Về thời hạn thanh toán:* tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...*” nên yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng buộc bị đơn bà Nghi có nghĩa vụ trả tiền nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[21] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn bà N phải chịu là 30.600.692 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng số tiền 12.142.205 đồng theo biên lai thu số 0007857 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, 92, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q:

1.1. Buộc bà Tạ Lâm Bảo N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tính đến ngày 15/5/2023 là 665.017.300 đồng, cụ thể theo từng hợp đồng tín dụng như sau:

Thẻ tín dụng quốc tế được phát hành ngày 04/04/2018 là 107.587.430

đồng, gồm nợ gốc là 28.497.379 đồng và nợ lãi, phí là 79.090.051 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019 là 557.429.870 đồng gồm nợ gốc là 351.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.541.377 đồng, lãi quá hạn là 203.388.493 đồng.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày 16/5/2023 bà Tạ Lâm Bảo N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tương ứng với Hợp đồng tín dụng số 2108251.19 ngày 16/5/2019, Khế ước nhận nợ số 2108251.19 ngày 16/5/2019 và Thẻ tín dụng quốc tế được phát hành ngày 04/04/2018 đính kèm bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục thanh toán sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Tạ Lâm Bảo N chịu 30.600.692 đồng.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 12.142.205 đồng theo biên lai thu số 0007857 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

Bà Tạ Lâm Bảo N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Anh